

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671012 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Thị Thúy	Kiều	3673020018	27/02/1994	,00	,00	,00	
2	Võ Xuân	Trường	3673020021	27/04/1994	5,50	2,00	3,10	
3	Trần Nhất	Luân	3673020024	28/07/1993	2,00	3,00	2,70	
4	Phạm Phúc	Khánh	3673020040	29/05/1994	3,00	,00	,90	
5	Trịnh Ngọc	Tuấn	3673020053	01/04/1994	3,50	,00	1,10	
6	Trần Đức	Thắng	3673020056	04/07/1994	3,50	3,00	3,20	
7	Nguyễn Trung	Quốc	3673020083	20/04/1994	4,00	5,50	5,10	
8	Nguyễn Chí	Tài	3673020088	18/10/1993	3,50	3,00	3,20	
9	Lê Huỳnh	Nam	3673020095	28/11/1994	1,50	,00	,50	
10	Đỗ Thanh	Vinh	3673020097	24/01/1994	4,50	1,00	2,10	
11	Mai Hoàng Minh	Quý	3673020137	18/06/1993	3,50	3,00	3,20	
12	Nguyễn Văn	Tiến	3673020145	10/08/1994	2,50	,00	,80	
13	Tạ Quang	Minh	3673020153	31/03/1994	3,50	,00	1,10	
14	Võ Thành	Thiện	3673020167	22/06/1994	,50	,00	,20	
15	Nguyễn Văn	Dũng	3673020176	10/07/1994	5,00	5,50	5,40	
16	Trần Lý	Huỳnh	3673020185	08/10/1991	1,50	,00	,50	
17	Nguyễn Thị	Vân	3673020207	20/01/1994	4,50	3,50	3,80	
18	Đỗ Công	Tĩnh	3673020232	28/08/1993	5,50	6,30	6,10	
19	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	3673020239	17/02/1994	,00	,00	,00	
20	Huỳnh Tấn	Phát	3673020269	30/11/1994	4,00	,00	1,20	
21	Phan Tấn	Vinh	3673020273	12/11/1994	3,50	2,50	2,80	
22	Nguyễn Văn	Sang	3673020288	30/12/1992	4,00	,00	1,20	
23	Võ Thành	Tài	3673020293	02/01/1994	2,00	1,00	1,30	
24	Đinh Toàn	Thịnh	3673020312	15/01/1993	4,00	3,00	3,30	
25	Nguyễn Phạm Anh	Huy	3673020321	02/05/1994	4,00	1,00	1,90	
26	Nguyễn Hoàng	Nam	3673020338	21/11/1994	3,50	,00	1,10	
27	Trần Thị Ngọc	Diệp	3673020347	02/02/1994	4,00	2,00	2,60	
28	Nguyễn Thanh	Nguyên	3673020353	10/10/1994	4,50	3,50	3,80	
29	Nguyễn Minh	Vũ	3673020357	04/11/1993	4,00	1,50	2,30	
30	Dương Trường	Giang	3673020377	02/05/1994	4,50	4,00	4,20	
31	Trần Văn	Hùng	3673020382	14/07/1994	6,00	5,30	5,50	
32	Nguyễn Quốc	Trí	3673020406	13/05/1994	2,00	2,00	2,00	
33	Trương Quốc	Hòa	3673020421	12/09/1994	2,50	1,00	1,50	
34	Lê Hoàng	Bảo	3673020430	07/01/1994	3,00	1,00	1,60	
35	Lê Quốc	Việt	3673020439	16/11/1994	3,50	2,00	2,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Minh	Khang	3673020468	25/10/1994	5,00	3,00	3,60	
37	Nguyễn Tấn	Phát	3673020473	09/01/1994	1,00	,00	,30	
38	Phạm Văn	Danh	3673020477	08/10/1993	5,00	6,00	5,70	
39	Phạm Minh	Mẫn	3673020479	11/11/1994	4,00	1,00	1,90	
40	Phạm Hoàng	Hải	3673020923	09/11/1993	3,00	3,00	3,00	
41	Trần Văn	Tuấn	3673020952	11/01/1994	5,00	5,50	5,40	
42	Nguyễn Hoàng	Vinh	3673020985	31/12/1994	1,50	2,50	2,20	
43	Nguyễn Thành	Mến	3673021001	09/09/1994	4,00	2,00	2,60	
44	Võ Duy	Hải	3673021039	25/05/1994	3,50	5,50	4,90	
45	Trương Văn	Hoàng	3673021060	20/08/1993	3,50	2,00	2,50	
46	Nguyễn Văn	Hùng	3673021149	20/04/1992	5,50	2,00	3,10	
47	Lê Hoàng	Minh	3673021172	18/05/1994	3,50	,00	1,10	
48	Nguyễn Duy	Cát	3673021190	28/08/1991	,00	,00	,00	
49	Nguyễn Thị Trúc	Nguyên	3673021206	07/05/1994	3,50	2,50	2,80	
50	Phan Văn	Phú	3673021207	10/01/1993	3,50	3,00	3,20	
51	Phạm Công	Chính	3673021221	13/10/1994	4,00	5,80	5,30	
52	Lê Công	Phường	3673021229	04/05/1994	4,50	4,50	4,50	
53	Nguyễn Quang	Hường	3673021258	12/05/1994	3,00	,00	,90	
54	Mã Níp	Mẫn	3673021276	03/03/1994	4,00	,00	1,20	
55	Lê Trí	Dũng	3673021516	28/08/1994	3,00	,00	,90	
56	Đỗ Xuân	Tùng	3673021522	16/10/1994	3,00	2,50	2,70	
57	Nguyễn Duy	Hải	3673021540	20/06/1993	4,00	,00	1,20	
58	Dương Quang	Vũ	3673021547	06/11/1993	5,00	,00	1,50	
59	Nguyễn Minh	Phú	3673021588	26/03/1984	,00	,00	,00	
60	Đoàn Thị Kim	Thi	3673021866	28/08/1994	5,00	,00	1,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)